TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số 30/2019/HSST
Ngày 05 tháng 04 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**

***Các hội thẩm nhân dân*:**

Bà **Hoàng Thị Liên**

Ông **Nguyễn Đình Phong**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** - là thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông **Phạm Công Hải** - Kiểm sát viên

Ngày 05/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2019/HSST ngày 21/02/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 03 năm 2019, đối với bị cáo:

*** Nguyễn Công C** *(tên gọi khác không),* sinh năm 1985; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại Phố M, thị trấn M, huyện V, tỉnh N; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 97-QĐ/UBKTHU ngày 18/01/2019 của Ủy ban kiểm tra, Huyện ủy V); nghề nghiệp: Công chức địa chính xã G; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công N và bà Nguyễn Thị Q; vợ Ngô Thị Thu H và có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án Hình sự sơ thẩm số 81/2018/HSST ngày 30/11/2018, của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Ninh Bình xử phạt 21 tháng tù, về tội "Đánh bạc"; bị cáo chưa chấp hành bản án.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/10/2018 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Người bị hại:**

Ông **Trần Văn Á**, sinh năm 1976; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên toà.

Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1974; trú tại xóm 2, K, xã G, huyện V, tỉnh N. Có mặt tại phiên toà.

Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1984; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên toà.

Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1962; trú tại xóm 2, K, xã G, huyện V, tỉnh N. Có mặt tại phiên toà.

Anh **Nguyễn Bá H**, sinh năm 1982; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên toà.

Ông **Trần Văn C1**, sinh năm 1955; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. Có mặt tại phiên toà.

Ông **Trần Văn L1**, sinh năm 1971; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên toà.

Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1974; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên toà.

Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1957; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên toà.

Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1985; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên toà.

Ông **Trần Trung T1**, sinh năm 1976; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Công C là công chức địa chính xã G, huyện V, tỉnh N, chức năng, nhiệm vụ là tham mưu giúp UBND xã G thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai; thu thập thông tin, số liệu, lập sổ sách, xây dựng báo cáo về đất đai, địa giới hành chính, thực hiện các thủ tục hành chính, tiếp nhận hồ sơ, thẩm tra xác nhận nguồn gốc, hiện trạng, đăng ký và sử dụng đất đai và thực hiện các nhiệm vụ khác về đất đai do UBND xã G phân công.

Về quy trình chuyển đổi đất lấn chiếm thành đất ở của 24 hộ gia đình trên địa bàn xã Gia T phải tuân theo trình tự: Ủy ban nhân dân xã G lập hồ sơ đề nghị rồi chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V thẩm định và trình Ủy ban nhân dân huyện V phê duyệt. Sau khi được phê duyệt thì các hộ gia đình phải đến Chi cục Thuế huyện V để nộp tiền vào ngân sách Nhà nước, sau đó Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện sẽ làm thủ tục để trình Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng hộ gia đình.

Năm 2016, Ủy ban nhân dân xã Gia T làm tờ trình, lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho 24 hộ gia đình trên địa bàn xã sử dụng đất ổn định từ trước ngày 01/7/2014 theo Luật đất đai năm 2013 (để chuyển từ đất lấn chiếm sang đất ở). Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện V đã đồng ý với chủ trương trên để khép kín khu dân cư, giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã G thực hiện quy trình, thủ tục và lập hồ sơ theo trình tự và quy định của Nhà nước. Với cương vị là công chức địa chính, Nguyễn Công C nắm rõ được các quy định trên. Tuy nhiên, trong quá trình C tiến hành đo đạc, lập hồ sơ đề nghị đã có 05 hộ gia đình (trong số 24 hộ gia đình mà UBND xã G lập tờ trình,

hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) gồm: Ông Trần Văn D, anh Trần Văn B, anh Trần Văn L, anh Nguyễn Bá H, anh Trần Văn Á (đều trú tại thôn K, xã G, huyện V) và 06 hộ gia đình (không nằm trong số 24 hộ gia đình mà UBND xã G lập tờ trình, hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) gồm: Ông Trần Văn C1, anh Trần Văn L1, anh Trần Văn Đ, bà Trần Thị L2, anh Trần Văn T, anh Trần Trung T1 (đều trú tại thôn K, xã G, huyện V) chưa có đất ở, đang sử dụng đất xen kẹp và đều có nhu cầu chuyển đổi thành đất ở nên đã đến gặp Nguyễn Công C đề nghị làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyễn Công C yêu cầu những người trên nộp tiền cho C. Để những người này tin tưởng, C đã soạn thảo sẵn phiếu thu và lấy dấu của Ủy ban nhân dân xã G đóng ở góc phía trên bên trái phiếu thu do C soạn thảo. Sau khi nghe C nói những người trên đều tin tưởng và giao tiền cho C, cụ thể như sau: Ngày 27/7/2017 anh Trần Văn Á đã giao cho C số tiền 40.000.000 đồng; ngày 05/8/2017 anh Trần Văn B đã giao cho C số tiền 50.000.000 đồng; ngày 07/8/2017 anh Trần Văn L đã giao cho C số tiền 16.250.000 đồng; ngày 13/8/2017 ông Trần Văn D đã giao cho C số tiền 40.000.000 đồng; ngày 19/10/2017 anh Nguyễn Bá H đã giao cho C số tiền 40.000.000 đồng; ngày 01/7/2017 ông Trần Văn C1 đã giao cho C số tiền 70.000.000 đồng; ngày 05/8/2017 anh Trần Văn L1 đã giao cho C số tiền 40.000.000 đồng; ngày 11/11/2017 và ngày 26/11/2017 anh Trần Văn Đ đã giao cho C tổng số tiền 79.000.000 đồng; ngày 19/11/2017 bà Trần Thị L2 đã giao cho C số tiền 40.000.000 đồng; ngày 01/12/2017 anh Trần Văn T đã giao cho C số tiền 25.500.000 đồng; ngày 02/12/2017 anh Trần Trung T1 đã giao cho C số tiền 20.000.000 đồng. Các lần nhận tiền C đều sử dụng phần phiếu thu do C soạn thảo, viết số tiền, tên người nộp, nội dung thu tiền và ký vào phần "người thu" rồi giao lại phiếu thu cho người giao tiền. Sau khi thu tiền của những người nêu trên, C không báo cáo và không nộp tiền cho Ủy ban nhân dân xã G, không lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình. Toàn bộ số tiền trên, Nguyễn Công C đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy: Tổng số tiền Nguyễn Công C đã chiếm đoạt của 11 người nêu trên là 460.750.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKS-GV ngày 20/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố ***Nguyễn Công C*** ra trước Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội **"Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản"**, theo điểm c, d khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo ***Nguyễn Công C*** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản", là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Người bị hại là ông Trần Văn Á, ông Trần Văn B, anh Trần Văn L, ông Trần Văn D, anh Nguyễn Bá H, ông Trần Văn C1, ông Trần Văn L1, ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị L2, anh Trần Văn T và ông Trần Trung T1 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Nguyễn Công C là công chức địa chính xã G, huyện V đã đưa ra thông tin với các hộ dân ở trên địa bàn xã G là làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu các hộ gia đình phải nộp tiền cho Nguyễn Công C. Do vậy, từ tháng 07/2017 đến tháng 12/2017 những người bị hại nêu trên đã tin tưởng và giao tiền cho Nguyễn Công C, cụ thể như sau: Ngày 27/7/2017 ông Trần Văn Á đã giao số tiền 40.000.000 đồng, ngày 05/8/2017 ông Trần Văn B đã giao số tiền 50.000.000 đồng, ngày 07/8/2017 anh Trần Văn L đã giao số tiền 16.250.000 đồng, ngày 13/8/2017 ông Trần Văn D đã giao số tiền 40.000.000 đồng, ngày 19/10/2017 anh Nguyễn Bá H đã giao số tiền 40.000.000 đồng, ngày 01/7/2017 ông Trần Văn C1 đã giao số tiền 70.000.000 đồng; ngày 05/8/2017 ông Trần Văn L1 đã giao số tiền 40.000.000 đồng, ngày 11/11/2017 và ngày 26/11/2017 ông Trần Văn Đ đã giao tổng số tiền 79.000.000 đồng, ngày 19/11/2017 bà Trần Thị L2 đã giao số tiền 40.000.000 đồng, ngày 01/12/2017 anh Trần Văn T đã giao số tiền 25.500.000 đồng, ngày 02/12/2017 ông Trần Trung T1 đã giao số tiền 20.000.000 đồng. Khi nhận tiền Nguyễn Công C đã dùng mẫu phiếu thu viết, ký tên và giao cho từng người.

Ông Trần Trung T1, bà Trần Thị L2, ông Trần Văn D, ông Trần Văn Á, ông Trần Văn C1, ông Trần Văn B, ông Trần Văn L1, anh Nguyễn Bá H, anh Trần Văn T, ông Trần Văn Đ và anh Trần Văn L đều xác nhận đã nhận lại toàn bộ số tiền mà trước đây đã giao cho Nguyễn Công C, do bị cáo và gia đình bị cáo C bồi thường. Do vậy, những người bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về vấn đề trách nhiệm dân sự. Tại phiên tòa ông Trần Văn D, ông Trần Văn C1 và ông Trần Văn B đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Công C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Công C phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 355; điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công C từ 04 (Bốn) năm đến 06 (Sáu) năm tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/6/2018, đến ngày 19/6/2018), tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 81/2018/HSST ngày 30/11/2018, của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N. Buộc bị cáo Nguyễn Công C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 05 năm 09 tháng đến 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày tạm giam 16/10/2018 (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/6/2018, đến ngày 19/6/2018).

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự cấm bị cáo Nguyễn Công C đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến quản lý kinh tế và tài

sản của Nhà nước trong thời hạn từ 01 (một) năm đến 03 (Ba) năm kể từ sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Công C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2017 Nguyễn Công C là công chức địa chính xã G, huyện V. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin, tổng hợp số liệu, đo đạc diện tích đất xen kẹp để lập hồ sơ, đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình trên địa bàn xã G, huyện V Nguyễn Công C đã tự ý nhận tiền của ông Trần Văn Á, ông Trần Văn B, anh Trần Văn L, ông Trần Văn D, anh Nguyễn Bá H, ông Trần Văn C1, ông Trần Văn L1, ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị L2, anh Trần Văn T, ông Trần Trung T1, với tổng số tiền là 460.750.000 đồng, nhưng không nộp tiền cho Chi cục Thuế huyện V. C đã chiếm đoạt sử dụng cá nhân hết.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 355. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản

"1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:

a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:

...

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Công C đã nêu trên là phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản". Xét thời gian thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo thì tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 280 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, tại điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định khung hình phạt nhẹ hơn đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Công C vi phạm quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại sự hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước và quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất uy tín, mất lòng tin của công dân vào các cơ quan Nhà nước, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động quản lý của Nhà nước, nhất là trong lĩnh vực quản lý đất đai, tác động xấu đến trật tự trị an xã hội, gây tâm lý bất bình cho những người bị hại và quần chúng nhân dân. Căn cứ vào tính chất tội phạm, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thì hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Công C cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và là bài học răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Công C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình để bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra cho người bị hại; khai nhận hành vi phạm tội của mình trước khi bị phát hiện; hoàn cảnh gia đình hiện tại rất khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương và tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết được quy định tại điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để

giảm nhẹ một phần hình phạt d- ới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[7]. Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Công C phải chấp hành án 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. (Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/6/2018, đến ngày 19/6/2018), tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 81/2018/HSST ngày 30/11/2018, của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N. Do vậy, bị cáo Nguyễn Công C phải chấp hành hình phạt của bản án tr- ớc và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[8]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, t- ơng xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù bị cáo Nguyễn Công C còn phải chấp hành hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến quản lý kinh tế và tài sản của Nhà nước trong thời hạn nhất định kể từ sau khi chấp hành xong hình phạt tù theo quy định tại khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

[10]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Công C đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản của 11 người bị hại với tổng số tiền là 460.750.000 đồng trong đó số tiền của từng người như sau:

Ông Trần Văn Á, sinh năm 1976; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. C chiếm đoạt 40.000.000 đồng.

Ông Trần Văn B, sinh năm 1974; trú tại xóm 2, K, xã G, huyện V, tỉnh N. C chiếm đoạt 50.000.000 đồng

Anh Trần Văn L, sinh năm 1984; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. C chiếm đoạt 16.250.000 đồng

Ông Trần Văn D, sinh năm 1962; trú tại xóm 2, K, xã G, huyện V, tỉnh N. C chiếm đoạt 40.000.000 đồng

Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1982; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. C chiếm đoạt 40.000.000 đồng

Ông Trần Văn C1, sinh năm 1955; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. C chiếm đoạt 70.000.000 đồng

Ông Trần Văn L1, sinh năm 1971; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. C chiếm đoạt 40.000.000 đồng

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1974; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. C chiếm đoạt 79.000.000 đồng

Bà Trần Thị L2, sinh năm 1957; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. C chiếm đoạt 40.000.000 đồng

Anh Trần Văn T, sinh năm 1985; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. C chiếm đoạt 25.500.000 đồng

Ông Trần Trung T1, sinh năm 1976; trú tại xóm 3, K, xã G, huyện V, tỉnh N. C chiếm đoạt 20.000.000 đồng

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của 11 người bị hại nêu trên bị cáo C đã chi tiêu sử dụng cá nhân hết. Quá trình điều tra và trong thời hạn chuẩn bị xét xử bị cáo, gia đình bị cáo đã trả xong toàn bộ số tiền C đã chiếm đoạt cho 11 người bị hại nêu trên với tổng số tiền là 460.750.000 đồng. Người bị hại đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về vấn đề trách nhiệm dân sự. Vì vậy, vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] ***Về án phí***: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] ***Về quyền kháng cáo***: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo ***Nguyễn Công C*** phạm tội ***"Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản"***

Căn cứ vào các điểm c, d khoản 2 Điều 355; điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công C** 04 (Bốn) năm tù về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản". Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. (Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/6/2018, đến ngày 19/6/2018), tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 81/2018/HSST ngày 30/11/2018, của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N về tội "đánh bạc". Buộc bị cáo **Nguyễn Công C** phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 16/10/2018, (Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/6/2018, đến ngày 19/6/2018).

Căn cứ vào khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự cấm bị cáo Nguyễn Công C đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến quản lý kinh tế và tài sản của Nhà nước trong thời hạn 03 (Ba) năm kể từ sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

*2. **Về án phí:***

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Công C phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người bị hại có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND tỉnh N;*
- *VKSND huyện V;*
- *Công an huyện V;*
- *Chi cục THADS huyện V;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh N;*
- *Bị cáo; người bị hại;*
- *L- u hồ sơ, văn phòng;*
(Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thiện Thành